

かんたん！中国語

～ 国名 ～



rì běn 日 本	Japan	日本
zhōng guó 中 国	China	中国
měi guó 美 国	The United States	アメリカ
hán guó 韩 国	South Korea	韓国
yìn dù 印 度	India	インド
bā xī 巴 西	Brazil	ブラジル
yīng guó 英 国	Britain	イギリス
fǎ guó 法 国	France	フランス
dé guó 德 国	Germany	ドイツ
é luó sī 俄 罗 斯	Russia	ロシア
běi cháo xiǎn 北 朝 鮮	North Korea	北朝鮮
xīn jiā pō 新 加 坡	Singapore	シンガポール
jiā ná dà 加 拿 大	Canada	カナダ
ào dà lì yà 澳 大 利 亚	Australia	オーストラリア
tài guó 泰 国	Thailand	タイ

ハンズアカデミー中国語学院

Copyright 2007 ハンズアカデミー All Rights Reserved